TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ M** **TỈNH D**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HS-ST
Ngày: 11/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M, TỈNH D

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Ngọc
2. Ông Nguyễn Chí Dựng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M tham gia phiên tòa: Ông Tăng Bá Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2023/HSST ngày 16/5/2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXXHS – HS ngày 14 tháng 6 năm 2023 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 15/2023/TB-TA ngày 15/7/2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1991, Nơi cư trú: thôn Xuân Cầu, xã Lạc Long, thị xã M, tỉnh D; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D1 và bà Nguyễn Thị T1. Bị cáo có vợ Hoàng Thị P và có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 02/12/2016, Công an thành phố D Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 14 về hành vi trộm cắp tài sản mức phạt tiền là 1.500.000 đồng. Ngày 08/12/2016, T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp phạt.

***- Bị hại*:** Anh Đồng Văn V, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn Vũ Thành, xã Lạc Long, thị xã M, tỉnh D.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn Xạ Sơn, xã Quang Thành, T.X M, tỉnh D

Người làm chứng:

1. Chị Hoàng Thị P, sinh năm 1999
2. Cháu Đồng Thị Ngọc A, sinh năm 2015

Người đại điện cháu A: Anh Trần Đức C – Giáo viên trường tiểu học xã L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 26/02/2023, Nguyễn Văn T đến chơi nhà ông Đồng Văn V, sinh năm 1978 ở thôn Vũ Thành, xã Lạc Long, thị xã M, tỉnh D (ông V là chú họ của T). Khi vào nhà, T gặp cháu Đồng Thị Ngọc A, sinh năm 2015 (con gái của ông V) thì được cháu Ngọc A cho biết ông V không có ở nhà nên T đi về nhà. Khi về nhà, T nghĩ ông V không có nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, biển kiểm soát 34D1 – 293.06 là tài sản riêng của ông V (do trước đó T thường đến chơi nhà và biết được ông V thường để xe ở trong gian bếp). T đi bộ đến nhà ông V. Khoảng 07 giờ 15 phút cùng ngày, đến nơi, thấy cổng vẫn mở, T đi vào bếp bằng lối cửa phụ thì thấy có dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, màu sơn đỏ đen, biển số 34D1 – 293.06. T tìm tại phòng bếp và vào phòng ngủ để tìm chìa khóa xe. T nhìn sang phòng khách thì thấy cháu Ngọc A đang xem ti vi không để ý, T liền mở tủ quần áo trong phòng ngủ để lục tìm thì thấy chìa khóa xe cùng 01 ví da màu nâu bên trong có 01 đăng ký xe mô tô, biển số: 34D1 – 293.06, 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 đều mang tên Đồng Văn V. T lấy chìa khóa xe và ví da rồi vào bếp dong xe ra ngoài điều khiển xe đi đến quán mua bán xe máy của anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1975, ở thôn Xạ Sơn, xã Quang Thành, thị xã M, tỉnh D. T vào gặp anh Hoàng Văn Q nói là xe của T muốn bán. T và anh Hoàng Văn Q thống nhất giá trị xe là 24.500.000 đồng. Anh Hoàng Văn Q đã chuyển khoản cho T số tiền 24.500.000 đồng. Đến trưa cùng ngày, ông V về nhà, phát hiện bị mất xe mô tô nên đã đến Công an xã Lạc Long trình báo. Đến khoảng 17 giờ 35 phút, cùng ngày, T đến Công an xã Lạc Long đầu thú và giao nộp 01 ví da màu nâu, bên trong có căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên Đồng Văn V và khai nhận hành vi phạm tội.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã M quản lý của anh Hoàng Văn Q 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade, biển số 34D1-293.06; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Đồng Văn V.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 02 ngày 28/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND thị xã M kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 34D1- 293.06 màu sơn đỏ đen có giá trị là 23.700.000 đồng.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại anh Đồng Văn V 2.000.000 đồng, tiền tổn thất về tinh thần, tiền chi phí đi lại.

Đối với số tiền 24.500.000 đồng, bị cáo có được do bán chiếc Airblade, biển số 34D1-293.06 cho anh Hoàng Văn Q. Bị cáo và gia đình đã hoàn trả số tiền 24.500.000đồng anh Hoàng Văn Q.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 44/CT - VKS ngày 15/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân thị xã M đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như VKSND thị xã M đã truy tố và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện VKSND thị xã M giữ nguyên Quyết định truy tố; nêu những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; xem xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị HĐXX:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội *"Trộm cắp tài sản".*

- *Đề nghị xử phạt:* Bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Uỷ ban nhân dân Lạc Long, thị xã M, tỉnh D giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Ngoài ra Viện kiểm sát còn đề nghị tiền án phí áp dụng đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an thị xã M; Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của bị cáo tại quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi liên quan và Tang vật

chứng đã thu giữ cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 07 giờ 15 phút, ngày 26/02/2023, tại nhà của anh Đồng Văn V, địa chỉ: Thôn Vũ Thành, xã Lạc Long, thị xã M, tỉnh D, lợi dụng sơ hở của ông V để xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Airbalde, biển số 34D1-293.06 tại gian bếp, cửa nhà không đóng. Khi đến nhà ông V chơi, Nguyễn Văn T đã lén lút chiếm đoạt của anh Đồng Văn V 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Airbalde, biển số 34D1-293.06 và 01 ví da bên trong có một số giấy tờ cá nhân mang tên Đồng Văn V. Trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 23.700.000 đồng.

Hành vi lợi dụng sơ hở của người khác rồi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo Nguyễn Văn T đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã M đã truy tố bị cáo theo tội danh, điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lấy tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, song do không làm chủ được bản thân nên bị cáo đã đi vào con đường phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác là quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ, hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an tại địa phương nơi xảy ra tội phạm. Do vậy, cần có hình phạt phù hợp với tính chất và hậu quả mà bị cáo thực hiện mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét đến tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo chỉ mang tính bột phát, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được bồi thường toàn bộ cho người bị hại.

[4]Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn nên bị cáo được áp dụng tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là *"Người phạm tội thành khẩn khai báo"* theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bản thân bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, hành vi phạm tội mang tính bột phát ngoài lần phạm tội này bị cáo không phạm tội nào khác nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp "*Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, bị cáo đã nhận thức được sai phạm của mình tự nguyện ra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình. Tự nguyện giao nộp tài sản đã chiếm đoạt. Mặc dù, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, tuy nhiên bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại số tiền 2.000.000đồng về một số thiệt hại khác do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra: tiền tổn thất về tinh thần, chi phí về đi lại...thể hiện ý thức khắc phục hậu quả của bị cáo nên cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bản thân bị cáo tuy đã có lần bị xử lý vi phạm hành chính vào năm 2016, tuy nhiên bị cáo đã chấp hành xong từ nhiều năm nay và được coi chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo mang tính bột phát, tính chất , mức độ hành vi ít nghiêm trọng, bị cáo có cư trú rõ ràng, có xác nhận chính quyền nơi cư trú về việc chấp hành pháp luật, nghĩa vụ nơi bị cáo cư trú nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà giao bị cáo về cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục cũng có tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[5] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy điều kiện hoàn cảnh của bị cáo hiện không có công việc và thu nhập nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại anh Đoàn Văn Vĩ, tự nguyện bồi thường cho người bị hại số tiền 2.000.000 đồng tiền tổn thất về tinh thần, tiền chi phí đi lại. Người bị hại đã nhận lại tài sản và số tiền bị cáo bồi thường, đến nay không có yêu cầu đề nghị gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án.

Đối với số tiền 24.500.000 đồng, anh Hoàng Văn Q trả cho bị cáo khi mua chiếc xe Airblade, biển số 34D1-293.06. Quá trình điều tra, bị cáo và gia đình đã hoàn trả cho anh Quang số tiền 24.500.000 đồng. Anh Q không yêu cầu đề nghị gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không phải xem xét, giải quyết trong vụ án.

[7] Xử lý vật chứng: Tài sản bị cáo chiếm đoạt 01 xe mô tô Airbalde, biển số 34D1-293.06, 01 chiếc ví da và các giấy tờ cá nhân mang tên Đồng Văn V đã trả lại cho người bị hại. Ông Đồng Văn V đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không phải giải quyết trong vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo bị buộc tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Hoàng Văn Q là người mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 34D1-293.06 do bị cáo phạm tội mà có. Quá trình điều tra, xác minh làm rõ khi mua chiếc xe trên, anh Q không biết chiếc xe là tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh Q là phù hợp.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ:* khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- *Căn cứ vào*: Khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

- *Căn cứ:* Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự.

- *Căn cứ*: Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với bị cáo.

- *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội *"Trộm cắp tài sản".*

- *Về hình phạt chính*:

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 15 (*mười lăm*) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 30 (*ba mươi*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Uỷ ban nhân dân xã Lạc Long, thị xã M, tỉnh D giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 85 của Luật này và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- *Án phí:* Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- *Quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm; có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đã báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Người bị hại được quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được

quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã M;
- VKSND tỉnh D;
- Công an thị xã M;
- Chi cục THADS thị xã M.
- Sở Tư pháp tỉnh D.
- Bị cáo;
- Bị hại;người có QL, NV liên quan;
- UBND xã Lạc Long, thị xã M, tỉnh HD
- Hồ sơ nghiệp vụ CS – CA thị xã M;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Khánh